TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẾN TRE** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 95/2023/DS-ST
Ngày: 16/8/2023
V/v: "T/c hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE- TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Huỳnh Thị Thanh Như
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Hưng
Bà Nguyễn Thị Bé Em
- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Bùi Thị Hoa Hạ - Thư ký Tòa án.
- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre tham gia:*** Bà Trần Thị Ấm - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 109/2023/TLST-DS ngày 05 tháng 4 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 101/2023/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 7 năm 2023 và quyết định hoãn phiên tòa số 123/2023/QĐST-DS ngày 27 tháng 7 năm 2023, giữa:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Bảo T**, sinh năm 1990; (có mặt)
Thường trú: ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.
Cư trú: Tổ B, khu phố B, phường S, thành phố B, tỉnh Bến Tre.
- Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn C**, sinh năm 1990; (vắng mặt)
Cư trú: số B ấp B, xã B, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Theo đơn khởi kiện ngày 24/3/2023, bản tự khai ngày 15/5/2023 cùng các tài liệu, chứng cứ cung cấp cho Tòa án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bảo T trình bày*:**

Bà Nguyễn Thị Bảo T và ông Nguyễn Văn C là bạn bè với nhau. Do ông C cần tiền làm ăn nên ông C nói với bà cho vay tiền trong 02 tháng với số tiền 250.000.000

đồng, thời hạn vay từ ngày 27/10/2022 đến ngày 27/12/2022. Việc vay tiền được lập thành "hợp đồng vay tiền" và được công chứng tại Văn phòng công chứng Bùi Trọng T. Theo Điều 3 của hợp đồng ghi lãi suất tự thỏa thuận, thực tế các bên thỏa thuận bằng lời nói với mức lãi suất 4%/tháng. Sau khi ký hợp đồng vay tiền, bà đã giao cho ông C số tiền 250.000.000 đồng tại Văn phòng công chứng. Khi giao nhận tiền, các bên không có làm biên nhận. Hết thời hạn vay, ông C không thực hiện trả tiền vay, ông C nói làm ăn thua lỗ nên kêu bà thông cảm. Đầu tháng 01/2023, ông C đã trả cho bà được số tiền lãi 10.000.000 đồng. Sau đó, ông C nói với bà cho ông C gia hạn thêm 02 tháng từ ngày 19/01/2023 đến ngày 19/3/2023 thì ông C sẽ trả tiền cho bà, do đó giữa bà và ông C ký lại hợp đồng vay tiền ngày 19/01/2023, hợp đồng cũng được công chứng tại Văn phòng công chứng Bùi Trọng T. Nhưng đến nay, ông C vẫn chưa trả tiền cho bà theo như thỏa thuận giữa đôi bên. Bà khẳng định chỉ cho ông C vay số tiền 250.000.000 đồng, giữa bà và ông C không còn khoản vay nào khác.

Nay, bà T yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông C trả số tiền gốc 250.000.000 đồng và tiền lãi với mức lãi suất 1%/tháng tính từ ngày vay đến ngày xét xử, bà đồng ý trừ ra 10.000.000 đồng tiền lãi đã nhận.

Bị đơn ông Nguyễn Văn C: quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Văn C đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp tiếp cận, công khai tài liệu chứng cứ, hòa giải và các văn bản tố tụng khác nhưng ông C vắng mặt không có lý do.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội Thẩm nhân dân và Thư ký Tòa án tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; nị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: căn cứ các điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội, tuyên xử: chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà T về việc buộc ông C trả số tiền gốc 250.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày vay đến ngày xét xử với mức lãi suất 1%/tháng sau khi khấu trừ số tiền 10.000.000 đồng ông C đã đóng lãi cho bà T; về án phí, ông C phải chịu án phí dân sự có giá ngạch theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân

thành phố Bến Tre và kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến của Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật: căn cứ đơn khởi kiện ngày 24/3/2023 (BL03, 04), nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bảo T khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Văn C trả tiền vay còn thiếu, việc giao dịch tiền giữa các bên xảy ra vào năm 2022 và năm 2023, do đó Hội đồng xét xử căn cứ Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015 xác định đây là vụ án "tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: căn cứ khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp hợp đồng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Căn cứ khoản 3 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án không có đương sự hoặc tài sản ở nước ngoài, vì vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện. Qua thu thập chứng cứ tại Văn phòng công chứng Bùi Trọng T, theo căn cước công dân số 08309001047 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp cho Nguyễn Văn C vào ngày 13/8/2021 cũng như tại hợp đồng vay tài sản ngày 27/10/2022 và ngày 19/01/2023 thể hiện ông C có nơi thường trú là số B ấp B, xã B, thành phố B, tỉnh Bến Tre. Trong đơn khởi kiện, bà Nguyễn Thị Bảo T đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của bị đơn ông Nguyễn Văn C nên được coi là "đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú". Đối chiếu điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre.

Về việc tham gia phiên tòa của đương sự: Toà án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông C theo đúng quy định tại các điều 175, 177, 196, 208 và Điều 220 Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng ông C vắng mặt. Việc ông C vắng mặt được xem là từ bỏ quyền trình bày, đưa ra chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông C theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét hợp đồng vay tài sản ngày 27/10/2022, thấy rằng: ngày 27/10/2022, bà T cho ông C vay số tiền 250.000.000 đồng, các bên ghi lãi suất tự thỏa thuận, thời hạn vay 02 tháng. Việc vay tiền giữa bà T và ông C được lập thành hợp đồng vay tiền và được công chứng tại Văn phòng công chứng Bùi Trọng T. Điều 463 Bộ luật Dân sự 2015 quy định: "*Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định*.". Khoản 1 Điều 119 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: "*Giao dịch dân sự được thể hiện bằng lời nói, bằng văn bản hoặc bằng hành vi cụ thể*".

Đối chiếu các căn cứ nêu trên, xét thấy hợp đồng vay tài sản ngày 27/10/2022 đáp ứng đủ yếu tố về điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự quy định tại Điều 117 Bộ luật Dân sự 2015 gồm: yếu tố chủ thể, tính tự nguyện của các bên tham gia giao dịch, mục đích và nội dung không vi phạm điều cấm của xã hội, do đó hợp đồng vay tiền ngày 27/10/2022 phát sinh hiệu lực. Đến ngày 19/01/2023, bà T đồng ý cho ông C gia hạn thời hạn trả tiền nên giữa đôi bên ký lại hợp đồng, thời hạn trả tiền từ ngày 19/01/2023 đến ngày 19/3/2023 nhưng đến nay ông C vẫn chưa trả tiền cho bà T. Mặc khác, quá trình giải quyết vụ án, bà T đã gửi cho ông C bản sao hồ sơ khởi kiện, đồng thời Tòa án cũng đã thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho ông C biết nhưng đến nay ông C không có ý kiến đối với chứng cứ này. Đối chiếu Điều 280 và Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xét thấy bà T yêu cầu ông C có nghĩa vụ trả cho bà T số tiền gốc 250.000.000 đồng là có căn cứ nên được chấp nhận.

[3] Về tiền lãi: tại phiên tòa, bà T thừa nhận có nhận của ông C số tiền lãi 10.000.000 đồng. Nay bà T khởi kiện buộc ông C trả số tiền lãi với mức lãi suất 1%/tháng của số tiền 250.000.000 đồng tính từ ngày 27/10/2022 đến ngày xét xử (bà T yêu cầu tính lãi 09 tháng) là có cơ sở, phù hợp theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên được chấp nhận. Số tiền lãi được tính như sau: (250.000.000 đồng x 9 tháng x 1%) -10.000.000 đồng =12.500.000 đồng.

[4] Bà T không còn yêu cầu nào khác nên không xem xét.

[5] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, do yêu cầu khởi kiện của bà T được chấp nhận nên ông C có nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch với số tiền 13.125.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Điều 280, Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bảo T đối với bị đơn ông Nguyễn Văn C về việc "tranh chấp hợp đồng vay tài sản", cụ thể như sau:

Buộc ông Nguyễn Văn C có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Bảo T số tiền 262.500.000 (hai trăm sáu mươi hai triệu năm trăm nghìn) đồng, trong đó: tiền gốc 250.000.000 (hai trăm năm mươi triệu) đồng, tiền lãi 12.500.000 (mười hai triệu năm trăm nghìn) đồng.

Kể từ khi Quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Văn C có nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền 13.125.000 (mười ba triệu một trăm hai mươi lăm nghìn) đồng.

Bà Nguyễn Thị Bảo T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.500.000 (sáu triệu năm trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số XYZ ngày 03/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

3. Bà Nguyễn Thị Bảo T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm. Ông Nguyễn Văn C có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- VKSND thành phố B (1b);
- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- CCTHADS thành phố B (1b);
- Các đương sự (2b);
- Lưu hồ sơ, VP (4b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký, đóng dấu)

Huỳnh Thị Thanh Như